

Số: 4379 /QĐ-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5828/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2025 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và Trưởng phòng liên quan thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- KBNN TP.HCM (để phối hợp);
- KBNN nơi DV giao dịch (để phối hợp);
- Lưu: VT, KHTC (Tr).



Nguyễn Văn Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Mẫu biểu số 48

Chương 422 - Loại 070 - Khoản 074

ĐƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: TRƯỜNG THPT THỦ THIÊM (MS : 1003700)

Mã KBNN nơi giao dịch: KHO BẠC TP.1 HỦ ĐỨC (MS : 0136)

(Kèm theo Quyết định số 4379/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2024
của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	32.898.274
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	32.898.274
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16.418.570
1.1	Chi từ ngân sách thành phố	11.230.570
	Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	0
1.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương (Chênh lệch tăng lương cơ sở từ 1,49 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng)	5.188.000
	Nguồn CCTL ngân sách thành phố	5.188.000
	Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	0
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	16.479.704
2.1	Chi từ ngân sách thành phố	2.326.704
	Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	0
2.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương	14.153.000
	Nguồn CCTL ngân sách thành phố	14.153.000
	Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	0

Ghi chú:

1. Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện trích lập tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả thu học phí) để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.
2. Nguồn CCTL tại đơn vị được sử dụng cho nhu cầu chi chính sách tăng lương cơ sở theo lộ trình của Chính phủ, chi tinh giản biên chế, chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù của Thành phố và các văn bản quy định hiện hành.
3. Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định nội dung dự toán theo nhu cầu của đơn vị, giá trị dự toán chỉ dùng làm cơ sở bố trí nguồn kinh phí thực hiện, đơn vị chịu trách nhiệm về số liệu quyết toán thực tế theo đúng quy định.

Chi tiết kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên của đơn vị như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
1	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	1.764.000
2	Kinh phí vùng sâu	0
3	Hỗ trợ cán bộ, viên chức y tế	5.400
4	Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy người khuyết tật	496.554
5	Hỗ trợ học phí cho học sinh trung học cơ sở theo Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND	0
6	Hỗ trợ chi phí học tập	60.750
7	Hỗ trợ ngành giáo dục trên địa bàn huyện Cần Giờ theo Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND	0
8	Chính sách đặc thù cho học sinh tại xã đảo Thạnh An, huyện Cần Giờ theo Nghị quyết số 38/2023/NQ-HĐND	0
9	Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND và chi tinh giản biên chế (nếu có)	13.251.000
10	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	902.000